



KHO BẠC NHÀ NƯỚC

GIỚI THIỆU

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG

Số: Luật ĐT công số 39/2019/QH14

ND số 40/2020/ND-CP **NGHỊ ĐỊNH**

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công



SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG

Hệ thống pháp luật để quản lý đầu tư công chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, thiếu các chế tài và biện pháp quản lý, giám sát





SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG

Việc quản lý đầu tư công trước đây quy định rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau nên khó khăn trong tổ chức thực hiện và quản lý.

Tăng cường quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước để hướng tới thực hiện mục tiêu đột phá xây dựng hạ tầng đồng bộ.



MỤC TIÊU XÂY DỰNG LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG

Tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ và hoàn chỉnh để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý hoạt động đầu tư và sử dụng vốn đầu tư công;

Khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư theo đúng mục tiêu, định hướng của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của đất nước;

Chống thất thoát, lãng phí; bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư công.



QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG

Quán triệt và thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về tái cơ cấu nền kinh tế và tái cơ cấu đầu tư;

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công trong toàn bộ quá trình đầu tư;

Quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong tất cả các khâu quản lý và sử dụng VĐT công;

Bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công;

Quy định phải rõ ràng, không chồng chéo, trùng lặp với các quy định của các Luật khác và phù hợp với yêu cầu cải cách TT HC;

Từng bước hội nhập, phù hợp với thông lệ quốc tế trong quản lý đầu tư công.



NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

- Quy định việc quản lý nhà nước về đầu tư công
- Quản lý và sử dụng vốn đầu tư công
- Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công..
- **Điều 2- Đối tượng áp dụng**
- Áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.
- **Điều 3. Áp dụng Luật Đầu tư công, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế**



Điều 4- Giải thích từ ngữ

- 1. *Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi, tính hiệu quả, dự kiến nguồn vốn và mức vốn của chương trình đầu tư công, dự án nhóm B, nhóm C làm cơ sở đề cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.
- 2. *Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi, tính hiệu quả, dự kiến nguồn vốn và mức vốn của dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A làm cơ sở đề cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.
- 3. *Báo cáo nghiên cứu khả thi* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu về sự cần thiết, mức độ khả thi, hiệu quả, nguồn vốn và mức vốn của chương trình, dự án đầu tư công làm cơ sở đề cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư



Điều 4- Giải thích từ ngữ

4. *Bộ, cơ quan trung ương và địa phương* là cơ quan được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công, bao gồm:

- a) Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là bộ, cơ quan trung ương);
- b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- c) Cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của tổ chức chính trị - xã hội;
- d) Cơ quan, tổ chức khác được giao kế hoạch đầu tư công.



Điều 4- Giải thích từ ngữ

5. *Chủ chương trình* là cơ quan, tổ chức được giao chủ trì quản lý chương trình đầu tư công.
6. *Chủ đầu tư* là cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư công.
7. *Chủ trương đầu tư* là quyết định của cấp có thẩm quyền về những nội dung chủ yếu của chương trình, dự án đầu tư, làm căn cứ để phê duyệt quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư, quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công.
8. *Chương trình đầu tư công* là một tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.
9. *Chương trình mục tiêu quốc gia* là chương trình đầu tư công nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của từng giai đoạn cụ thể trong phạm vi cả nước.
10. *Cơ quan chủ quản là bộ*, cơ quan trung ương và địa phương quy định tại Khoản 4 Điều này quản lý chương trình, dự án.



Điều 4- Giải thích từ ngữ

11. *Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công* là đơn vị có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đơn vị được giao quản lý đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương, địa phương; phòng, ban có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.
12. *Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công* bao gồm Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các cấp.
13. *Dự án đầu tư công* là dự án sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công.
14. *Dự án đầu tư công khẩn cấp* là dự án đầu tư nhằm kịp thời phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; nhiệm vụ cấp bách để bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại theo quyết định của cấp có thẩm quyền.
15. *Đầu tư công* là hoạt động đầu tư của Nhà nước vào các chương trình, dự án và các đối tượng đầu tư công khác theo quy định của Luật này.



- 16. *Hoạt động đầu tư công* bao gồm lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư công; lập, thẩm định, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện kế hoạch, dự án đầu tư công; **quản lý, sử dụng vốn đầu tư công**; nghiệm thu, bàn giao chương trình, quyết toán dự án đầu tư công; theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công.

17. *Kế hoạch đầu tư công* là một tập hợp các mục tiêu, định hướng, danh mục chương trình, dự án đầu tư công; cân đối nguồn vốn đầu tư công, phương án phân bổ vốn, các giải pháp huy động nguồn lực và triển khai thực hiện.

18. *Nhiệm vụ quy hoạch* là các hoạt động được thực hiện để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

19. *Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư* là các hoạt động để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án.



–20. *Nợ đọng xây dựng cơ bản* là giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng chưa có vốn bố trí cho phần khối lượng thực hiện đó.

- 21. *Phân cấp quản lý nhà nước về đầu tư công* là xác định quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong hoạt động đầu tư công.
- 22. *Vốn đầu tư công* quy định tại Luật này gồm: Vốn ngân sách nhà nước; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.
- 23. *Vốn ngân sách trung ương* là vốn chi cho đầu tư phát triển thuộc ngân sách trung ương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
- 24. *Vốn ngân sách địa phương* là vốn chi cho đầu tư phát triển thuộc ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
- 25. *Vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương* là vốn thuộc ngân sách trung ương bổ sung cho địa phương để đầu tư chương trình, dự án đầu tư công theo nhiệm vụ cụ thể được cấp có thẩm quyền quyết định.



Điều 5. Đối tượng đầu tư công

- 1. Đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Trường hợp cần thiết tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập, đối với dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội xem xét, quyết định; Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc tách riêng đối với dự án nhóm A thuộc thẩm quyền. Việc tách riêng được thực hiện khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.
- 2. Đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.
- 3. Đầu tư và hỗ trợ hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội,
- 4. Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư.
- 5. Đầu tư phục vụ công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
- 6. Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ các đối tượng chính sách khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Chính phủ hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện.



Điều 5. Đối tượng đầu tư công

- 1. Đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Trường hợp cần thiết tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập, đối với dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội xem xét, quyết định; Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc tách riêng đối với dự án nhóm A thuộc thẩm quyền. Việc tách riêng được thực hiện khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.
- 2. Đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.
- 3. Đầu tư và hỗ trợ hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội,
- 4. Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư.
- 5. Đầu tư phục vụ công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
- 6. Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ các đối tượng chính sách khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Chính phủ hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện.



Điều 6: PHÂN LOẠI ĐẦU TƯ CÔNG

1. Căn cứ vào tính chất, dự án đầu tư công được phân loại như sau:

- a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư: xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;
- b) Dự án không có cấu phần xây dựng là dự án mua tài sản, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc và dự án khác không quy định tại điểm a Khoản này.

2. Căn cứ mức độ quan trọng và quy mô, dự án đầu tư công được phân loại thành dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B và dự án nhóm C theo tiêu chí quy định tại các Điều 7, 8, 9 và 10 của Luật này.



Điều 7 DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA

Dự án quan trọng quốc gia là dự án đầu tư độc lập hoặc cụm công trình liên kết chặt chẽ với nhau thuộc một trong các tiêu chí dưới đây:

1.Sử dụng vốn ĐT công từ 10.000 tỷ đồng trở lên	2.Ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường	3.Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 héc ta trở lên	4.Di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở các vùng khác	5.Dự án đòi hỏi phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định
---	--	--	--	---



Điều 8: DỰ ÁN NHÓM A

Trừ các dự án quan trọng quốc gia, các dự án thuộc một trong các tiêu chí dưới đây là dự án nhóm A

Dự án không phân biệt tổng mức đầu tư thuộc một trong các trường hợp:

- a) Dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh có mức độ tuyệt mật.
- b) Dự án sản xuất chất độc hại, chất nổ;
- c) Dự án hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Giao thông, (bao gồm cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường QL); CN điện; Khai thác dầu khí; Hoá chất, phân bón, xi măng; Chế tạo máy, luyện kim; Khai thác, chế biến khoáng sản; Xây dựng khu nhà ở.

Dự án có tổng mức đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc lĩnh vực:

Dự án có tổng mức đầu tư từ 1.500 tỷ đồng trở lên thuộc lĩnh vực:

- Giao thông trừ các dự án quy định nêu trên Thủy lợi; Cấp thoát nước, xử lý rác thải và công trình HTKT; Kỹ thuật điện; SX thiết bị thông tin, điện tử; Hoá dược; SX vật liệu trừ các dự án quy định tại điểm d Khoản 2 Điều này; Công trình cơ khí trừ các dự án quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều này; Bưu chính, viễn thông

Dự án có tổng mức đầu tư từ 1.000 tỷ đồng trở lên thuộc lĩnh vực:

- SX nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; HTKT khu đô thị mới; Công nghiệp trừ các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này;

Dự án có tổng mức đầu tư từ 800 tỷ đồng trở lên thuộc lĩnh vực:

- Y tế, VH, GD; Nghiên cứu khoa học, tin học, phát thanh, truyền hình; Kho tàng; Du lịch, thể dục thể thao; Xây dựng dân dụng, trừ xây dựng khu nhà đã được quy định ở trên.



Điều 9: DỰ ÁN NHÓM B

Dự án có tổng mức đầu tư từ 120 tỷ đồng đến dưới 2.300 tỷ đồng thuộc lĩnh vực:

- Giao thông, (bao gồm cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường QL); CN điện; Khai thác dầu khí; Hoá chất, phân bón, xi măng; Chế tạo máy, luyện kim; Khai thác, chế biến khoáng sản; Xây dựng khu nhà ở.

Dự án có tổng mức đầu tư từ 80 tỷ đồng đến 1.500 tỷ đồng thuộc lĩnh vực:

- Giao thông trừ các dự án quy định nêu trên Thủy lợi; Cấp thoát nước, xử lý rác thải và công trình HTKT; Kỹ thuật điện; SX thiết bị thông tin, điện tử; Hoá dược; SX vật liệu trừ các dự án quy định tại điểm d Khoản 2 Điều này; Công trình cơ khí trừ các dự án quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 8

Dự án có tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng thuộc lĩnh vực:

- SX nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; HTKT khu đô thị mới; Công nghiệp trừ các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 8

Dự án có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng thuộc lĩnh vực:

- Y tế, VH, GD; Nghiên cứu khoa học, tin học, phát thanh, truyền hình; Kho tàng; Du lịch, thể dục thể thao; Xây dựng dân dụng, trừ xây dựng khu nhà đã được quy định ở trên.



Điều 10:DỰ ÁN NHÓM C

Dự án có tổng mức đầu tư dưới 120 tỷ đồng thuộc lĩnh vực:

- Giao thông, (bao gồm cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường QL); CN điện; Khai thác dầu khí; Hoá chất, phân bón, xi măng; Chế tạo máy, luyện kim; Khai thác, chế biến khoáng sản; Xây dựng khu nhà ở.

Dự án có tổng mức đầu tư dưới 80 tỷ đồng thuộc lĩnh vực:

- Giao thông trừ các dự án quy định nêu trên Thủy lợi; Cấp thoát nước, xử lý rác thải và công trình HTKT; Kỹ thuật điện; SX thiết bị thông tin, điện tử; Hoá dược; SX vật liệu trừ các dự án quy định tại điểm d Khoản 2 Điều này; Công trình cơ khí trừ các dự án quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 8; Bưu chính, viễn thông

Dự án có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng thuộc lĩnh vực:

- SX nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; HTKT khu đô thị mới; Công nghiệp trừ các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 8

Dự án có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng thuộc lĩnh vực:

- Y tế, VH, GD; Nghiên cứu khoa học, tin học, phát thanh, truyền hình; Kho tàng; Du lịch, thể dục thể thao; Xây dựng dân dụng, trừ xây dựng khu nhà đã được quy định ở trên.



Điều 12:NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CÔNG

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.
2. Phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH, kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm của đất nước và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
3. Thực hiện đúng trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.
4. Quản lý việc sử dụng vốn đầu tư công theo đúng quy định đối với từng nguồn vốn; bảo đảm đầu tư tập trung, đồng bộ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả và khả năng cân đối nguồn lực; không để thất thoát, lãng phí.
5. Công khai, minh bạch trong hoạt động đầu tư công.



Điều 13: NỘI DUNG QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CÔNG

1. Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư công.
2. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, quy hoạch, giải pháp, chính sách đầu tư công.
3. Theo dõi, cung cấp thông tin về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.
4. Đánh giá hiệu quả đầu tư công; kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư công, việc tuân thủ kế hoạch đầu tư công.
5. Xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công.
6. Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thành tích trong hoạt động đầu tư công.
7. Hợp tác quốc tế về đầu tư công.



ĐIỀU 15

CHI PHÍ LẬP, THẨM ĐỊNH, THEO DÕI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, THANH TRA KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

CHI PHÍ

1. Chi phí Lập, thẩm định BC đề xuất chủ trương ĐT chương trình MTQG, chương trình đầu tư công

Sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp của CQ, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ này

2. Chi phí Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án

Sử dụng vốn chuẩn bị đầu tư của dự án

3. Chi phí Lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công

Sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp, nguồn kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị lập, thẩm định kế hoạch

4. Chi phí Chi phí theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án

Sử dụng nguồn chi thường xuyên của CQ, đơn vị thực hiện nhiệm vụ này

5. Chi phí Thanh tra

Sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị thanh tra

6. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

Khuyến khích nhà tài trợ hỗ trợ tài chính để thanh toán các chi phí quy định tại Điều này



Điều 16: CÁC HÀNH VI BỊ CẤM TRONG ĐẦU TƯ CÔNG

1. Quyết định chủ trương đầu tư không phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định đầu tư chương trình, dự án khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc không đúng với các nội dung về mục tiêu, phạm vi, quy mô, vượt tổng vốn đầu tư của chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Quyết định điều chỉnh tổng vốn đầu tư của chương trình, tổng mức đầu tư của dự án trái với quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt, vụ lợi, tham nhũng trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công

4. Chủ chương trình, chủ đầu tư thông đồng với tổ chức tư vấn dẫn tới quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án gây thất thoát, lãng phí vốn, tài sản của Nhà nước, tài nguyên của quốc gia; làm tổn hại, xâm phạm lợi ích của công dân và của cộng đồng.



Điều 16: CÁC HÀNH VI BỊ CẤM TRONG ĐẦU TƯ CÔNG

- 5. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.
- 6. Yêu cầu tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư khi chương trình, dự án chưa được quyết định chủ trương đầu tư, chưa được phê duyệt, gây nợ đọng xây dựng cơ bản.
- 7. Sử dụng vốn đầu tư công không đúng mục đích, không đúng đối tượng, vượt tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật.
- 8. Làm giả, làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện chương trình, dự án.
- 9. Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin không đúng, không trung thực, không khách quan ảnh hưởng đến việc lập, thẩm định, quyết định kế hoạch, chương trình, dự án, theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm trong triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án.
- 10. Cố ý hủy hoại, lừa dối, che giấu hoặc lưu giữ không đầy đủ tài liệu, chứng từ, hồ sơ liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện chương trình, dự án.
- 11. Cản trở việc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư công.



ĐIỀU 17

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

**Quốc
hội
quyết
định:**

Chương
trình
MTQG

Dự án
quan
trọng
quốc gia

**Chính
phủ
quyết
định:**

Chương
trình đầu
tư công
sử dụng
vốn ngân
sách
trung
ương
trừ các
chương
trình quy
định tại
điểm a
Khoản 1
Điều

**Thủ tướng
Chính phủ
quyết định:**

Dự án nhóm
A;

Chương trình, dự án đầu tư
sử dụng vốn vay ODA và
vốn vay ưu đãi của các nhà
tài trợ nước ngoài

Chương trình, dự án đầu tư sử
dụng vốn ODA không hoàn
lại

Dự án hỗ trợ kỹ thuật sử
dụng vốn ODA, vốn vay ưu
đãi để chuẩn bị dự án đầu
tư tài trợ nước ngoài

**Người đứng đầu
các bộ, cơ quan
trung ương quyết
định:**

Dự án nhóm B và
nhóm C sử dụng
vốn đầu tư công
cơ quan mình
quản lý





THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

HĐND cấp tỉnh quyết định:

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
quyết định chủ trương đầu tư dự
án nhóm A do địa phương quản
lý



THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

HĐND các cấp quyết định:

Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý



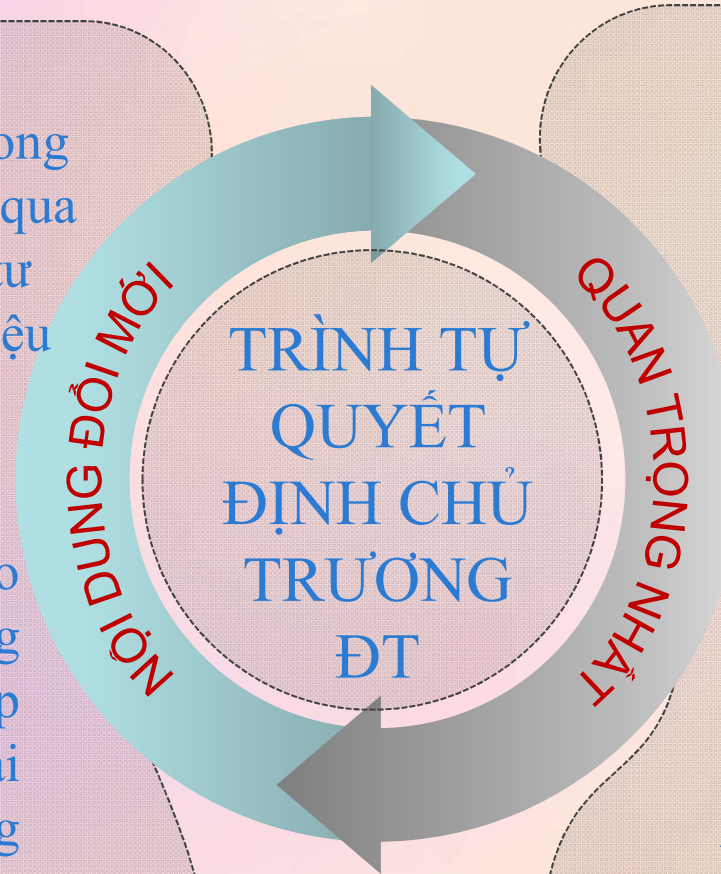
- **Điều 18. Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án**
- **Điều 19. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia**
- **Điều 20. Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia**
- **Điều 21. Thủ tục và nội dung thẩm tra chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia**
- **Điều 22. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công thuộc thẩm quyền của Chính phủ**
- **Điều 23. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ**
- **Điều 24. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**



TRÌNH TỰ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

- Lãng phí lớn nhất trong đầu tư công thời gian qua là do chủ trương đầu tư không đúng, không hiệu quả.

- Tình hình trên đã kéo dài nhiều năm nhưng chưa có biện pháp khắc phục, ngược lại có mặt còn trầm trọng hơn



→ Ngăn ngừa sự tùy tiện, chủ quan, duy ý chí và đơn giản trong việc quyết định chủ trương đầu tư,

→ Nâng cao trách nhiệm của người ra quyết định chủ trương đầu tư.

→ Góp phần khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí, kém hiệu quả trong đầu tư công



PHÂN CẤP THẨM ĐỊNH NGUỒN VỐN VÀ KHẢ NĂNG CÂN ĐỐI VỐN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN (ĐIỀU 33)

**Bộ
KH&ĐT
chủ trì
thẩm
định**

- a) Chương trình mục tiêu quốc gia;
- b) Dự án quan trọng quốc gia;
- c) Chương trình đầu tư công do Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;
- d) Dự án đầu tư công do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.



ĐIỀU 35

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Chương trình
MTQG, DA
quan trọng QG
đã được QH
quyết định chủ
trương ĐT

Chương trình đầu
tư công đã được
Chính phủ quyết
định chủ trương
đầu tư

Chương trình, DA sử dụng vốn
ODA và vốn vay ưu đãi của các
nhà tài trợ NN trong lĩnh vực
ANQP, tôn giáo và các chương
trình, DA khác theo quy định của
CP



ĐIỀU 39

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU BỘ, CQTW,

Quyết định đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền quản lý;

Được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư đối với các dự án nhóm B, nhóm C quy định tại điểm a Khoản này cho cơ quan trực thuộc.



ĐIỀU 39

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

**Chủ tịch UBND
cấp tỉnh**

Quyết định đầu tư
chương trình đầu tư
công đã được Hội
đồng nhân dân cấp
tỉnh quyết định chủ
trương đầu tư;

Quyết định đầu tư
dự án nhóm A,
nhóm B, nhóm C
do cấp tỉnh quản lý.



ĐIỀU 39

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã

Quyết định đầu tư chương trình đầu tư công đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư

Quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C do cấp mình quản lý.



Điều 46: PHÂN LOẠI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG

- 1. Phân loại kế hoạch đầu tư công theo thời hạn kế hoạch, bao gồm:
 - a) Kế hoạch đầu tư công trung hạn được lập trong thời hạn 05 năm, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm;
 - b) Kế hoạch đầu tư công hằng năm để triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, phù hợp với mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và cân đối vốn đầu tư công hằng năm.
- 2. Phân loại kế hoạch đầu tư công theo cấp quản lý, bao gồm:
 - a) Kế hoạch đầu tư công của quốc gia;
 - b) Kế hoạch đầu tư công của các bộ, cơ quan trung ương;
 - c) Kế hoạch đầu tư công của các cấp chính quyền địa phương.



Điều 46: PHÂN LOẠI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG

3. Phân loại kế hoạch đầu tư công theo nguồn vốn đầu tư, bao gồm:

- a) Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương, bao gồm đầu tư theo ngành, lĩnh vực, chương trình đầu tư công, phần vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện các dự án theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;
- b) Kế hoạch đầu tư vốn cân đối ngân sách địa phương, bao gồm đầu tư theo ngành, lĩnh vực, chương trình đầu tư công, phần vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện các dự án theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;
- c) Kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.



Điều 65. Chấp hành kế hoạch đầu tư công

- 1. Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm:
 - a) Thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch đầu tư công cho các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công;
 - b) Báo cáo cấp có thẩm quyền về việc giao kế hoạch đầu tư công.
- 2. Cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình thực hiện kế hoạch theo quy định của Chính phủ.
- 3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc để bảo đảm việc giao, chấp hành kế hoạch đầu tư công theo quyết định của cấp có thẩm quyền.



• **Điều 68. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm**

- 1. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước đến hết ngày 31 tháng 01 năm đầu tiên của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.
- 2. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm đến ngày 31 tháng 01 năm sau. Trường hợp bất khả kháng, Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện nhưng không quá 31 tháng 12 năm sau.
- 3. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại chưa được dự toán hoặc vượt dự toán được giao, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.



- **Điều 48. - 40/2020/NĐ-CP** Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm
- 1. Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau trong các trường hợp sau:
 - a) Dự án quan trọng quốc gia;
 - b) Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng;
 - c) Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau;
 - d) Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau;



- **Điều 48. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm**
- đ) Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép;
- e) Dự án cơ quan đại diện và cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài;
- g) Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chỉ có duy nhất 01 dự án trong năm kế hoạch hoặc không thể thực hiện điều chỉnh kế hoạch.
- 2. Căn cứ đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn ngân sách trung ương của bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.



Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư công.

Điều 78. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội

Điều 79. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ

Điều 80. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Điều 81. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính

• Điều 81. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính

1. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.
2. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ xác định vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển của quốc gia theo từng ngành, lĩnh vực trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.
3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cơ quan tài chính của địa phương cân đối kinh phí thường xuyên để thanh toán các chi phí lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt quyết định đầu tư chương trình và bảo trì, vận hành dự án đưa vào sử dụng.
4. Chủ trì trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.
5. Báo cáo Chính phủ tình hình giải ngân, quyết toán kế hoạch, chương trình, dự án.



Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư công.

Điều 94. Quyền và trách nhiệm của chủ chương trình, chủ đầu tư trong quản lý, thực hiện chương trình, dự án

1. Tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án, bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng và hiệu quả của chương trình, dự án.
2. Báo cáo, cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý, cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp về việc thực hiện chương trình, dự án theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 95. Quyền và trách nhiệm của Ban quản lý chương trình, dự án

1. Đề xuất các phương án, giải pháp và tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng theo ủy quyền của chủ chương trình, chủ đầu tư.
2. Báo cáo chủ chương trình, chủ đầu tư về tình hình triển khai thực hiện chương trình, dự án.



**XIN TRÂN THÀNH
CẢM ƠN!**